TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2021
V/v "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 09, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ 23, ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/02/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O trình bày: Vào tháng 10/2014, bà O và Nguyễn Văn T quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào

năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cả hai đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015, hiện đang sống cùng bà O. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Khi cưới, gia đình chồng có cho một số nữ trang cưới nhưng vợ chồng bà đã bán hết để chi tiêu trong gia đình. Do không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 289/2020/TB-TLVA ngày 15/10/2020, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 808/2020/TB-TA ngày 23/10/2020, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 929/2020/TB-TA ngày 17/11/2020, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 80/2021/TB-TA ngày 22/02/2021 nhưng ông T không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O và bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà O khởi kiện tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung với ông T có nơi cư trú tại xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản

7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, bị đơn Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử vào ngày 11/3/2021 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Ngày 26/3/2021, ông T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệp tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý và nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà O.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 mà đến nay không đăng ký kết hôn. Theo đơn khởi kiện, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân hiện nay và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T.

[2.2.] Về nuôi con chung: Bà O và ông T chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015, hiện đang sống cùng bà O. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà O làm nghề phụ giúp việc nhà, thu nhập ổn định mỗi tháng 3.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà O về việc nuôi con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Nguyễn Tấn P, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Kiều O được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Do bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T vắng mặt không có ý kiến bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Bà O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều O.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kiều O được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Tấn P sinh ngày 11/6/2015 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tấn P nên Tòa án không xem

xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010453 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà O đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai, bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lý Thị Thúy Quỳnh